TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/DS-ST
Ngày 29 – 8 – 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Thông báo dời thời gian xét xử số: 160/TB-TA ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Mỹ H, sinh năm 1978. Cư trú tại: Ấp M, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1971. Cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trương Thị T (Trương Lệ T), sinh năm 1972. Cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của chị Trần Mỹ H thể hiện:*

Chị H tham gia các dây hụi do ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T làm đầu thảo, gồm:

- Tham gia 01 phần trong dây hụi mở ngày 25/01/2015, loại 500.000 đồng/tháng, gồm 50 phần, đóng được 44 lần thì ông V, bà T đình hụi.

- Tham gia 01 phần trong dây hụi mở ngày 15/01/2017, loại 1.000.000 đồng/tháng, gồm 31 phần, đóng được 21 lần thì ông V, bà T đình hụi.

Tổng số tiền đã đóng khi đình hụi là 43.000.000 đồng, ông V đã làm biên nhận đối chiếu nên chị yêu cầu trả lại số tiền này.

Ngày 21/8/2019 chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó thể hiện nội dung chị đồng ý đối trừ tiền hoa hồng của dây hụi 500.000 đồng là 250.000 đồng và của dây hụi 1.000.000 đồng là 500.000 đồng và yêu cầu trả lại số tiền còn thiếu theo biên nhận là 42.250.000 đồng.

* *Đối với ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Mỹ H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn V và bà Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết, chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu ông V, bà T trả số tiền 42.250.000 đồng.

Xét thấy, việc chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo biên nhận đối chiếu nợ hụi của ông V do chị Trần Mỹ H cung cấp thể hiện: Chị H tham gia các dây hụi của ông V, bà T, đến khi đình hụi chị H góp dây hụi 500.000 đồng được 44 lần và góp dây hụi 1.000.000 đồng được 21 lần. Sau khi đối trừ tiền hoa hồng, ông V làm biên nhận còn thiếu 42.250.000 đồng.

Mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông V, bà T không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vậy, chị H yêu cầu ông V, bà T trả số tiền 42.250.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông V, bà T thuộc trường hợp được miễn án phí do có thân nhân liệt sĩ và đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mỹ H. Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Trương Thị T (Trương Lệ T) trả cho chị H tổng số tiền là 42.250.000 đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông V, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ cho ông V và bà T.

- Chị H không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 1.075.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009483 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.